

Nắm giữ

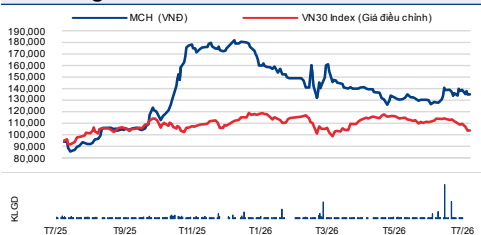
Giá mục tiêu: VNĐ133,200

Tiềm năng tăng/giảm: -1.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (24/7/2026)	135,000
Mã Bloomberg	MCH VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	85,439-181,862
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	135,780
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	174,752
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,638
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,294
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	647
Slg CP NN được mua (tr.đv)	450
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	15.3%
Tỷ lệ freefloat	30.1%
Cổ đông lớn	in Consumer Holdings (69.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	30,557	35,407	39,486
EBITDA đc (tỷ đồng)	7,601	8,803	9,776
LNTT (tỷ đồng)	7,765	8,787	9,702
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,667	7,615	8,408
FCF (tỷ đồng)	947	7,851	8,676
EPS ĐC (đồng)	5,151	5,883	6,495
DPS (đồng)	5,000	5,000	5,000
BVPS (đồng)	13,953	14,150	14,147
T.trưởng EBITDA (%)	(6.03)	15.8	11.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	(52.2)	14.2	10.4
Tăng trưởng DPS (%)	(81.3)	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	24.9	24.9	24.8
Tỷ suất LNTT (%)	25.4	24.8	24.6
Tỷ suất LNT ĐC (%)	21.8	21.5	21.3
Tỷ lệ LN trả CT (%)	97.1	85.0	77.0
Nợ thuần/VCSH (%)	8.22	8.53	7.14
ROAE (%)	46.4	41.9	45.9
ROACE (%)	41.2	37.8	41.6
EV/doanh thu (lần)	5.76	4.98	4.45
EV/EBITDA ĐC (lần)	23.2	20.0	18.0
P/E ĐC (lần)	26.2	22.9	20.8
P/B (lần)	9.68	9.54	9.54
Lợi suất cổ tức (%)	3.70	3.70	3.70

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan là công ty con của Công ty TNHH Masan Consumer Holdings. Chuyên sản xuất và phân phối nhiều loại gia vị, thực phẩm, đồ uống và các sản phẩm chăm sóc cá nhân và nhà cửa.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng

my.th@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 362

Nguyễn Lê Hoài Phúc

Chuyên viên cao cấp, Ngành Hàng Tiêu

phuc.nlh@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 369

Tăng trưởng nhờ sản lượng giúp kế hoạch năm 2026 đi đúng tiến độ

- Doanh thu thuần và LNST trước lợi ích cổ đông thiểu số Q2/2026 tăng lần lượt 14,2% và 10,2% so với cùng kỳ, nhìn chung sát với kỳ vọng của HSC. Động lực lợi nhuận chính giúp tăng trưởng lợi nhuận đến từ sản lượng tiêu thụ tăng 10%, qua đó cải thiện lợi nhuận gộp.
- MCH sẽ được đưa vào giỏ chỉ số VN30 từ ngày 3/8/2026, đánh dấu một cột mốc khác trên thị trường vốn sau khi chuyển niêm yết sang HOSE và đủ điều kiện giao dịch ký quỹ; qua đó được kỳ vọng sẽ giúp nhà đầu tư tổ chức dễ dàng tiếp cận cổ phiếu hơn và cải thiện thanh khoản.
- HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ, giá mục tiêu 133.200đ và các dự báo lợi nhuận giai đoạn 2026-2028.

Sự kiện: KQKD Q2/2026 của MCH

MCH đã công bố BCTC Q2/2026. Doanh thu thuần tăng 14,2% so với cùng kỳ đạt 7.165 tỷ đồng, cao hơn 3% so với dự báo 6.960 tỷ đồng của HSC, trong khi LNST trước lợi ích cổ đông thiểu số tăng 10,2% so với cùng kỳ đạt 1.484 tỷ đồng, thấp hơn 1% so với dự báo 1.500 tỷ đồng của HSC. Lợi nhuận thuần (LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số) tăng 11% so với cùng kỳ đạt 1.471 tỷ đồng. Nhìn chung, KQKD sát với kỳ vọng của HSC.

Doanh thu tăng so với cùng kỳ chủ yếu đến từ sản lượng tăng 10%. So với quý trước, doanh thu giảm 15,4% do so với mức nền cao trong Q1/2026 (quý có hoạt động nhập hàng phục vụ Tết).

Lợi nhuận gộp tăng 15,3% so với cùng kỳ đạt 3.193 tỷ đồng và tỷ suất lợi nhuận gộp tăng 44 điểm cơ bản đạt mức 44,6%. Tuy nhiên, so với Q1/2026, tỷ suất lợi nhuận gộp giảm 214 điểm cơ bản từ mức 46,7%.

Tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng trên doanh thu tăng từ 22,1% trong Q2/2025 lên 22,7%, do chi phí logistic tăng từ 3,2% lên 4,4% doanh thu. Cùng với thuế suất thực tế tăng từ 12,8% lên 14,7%, các yếu tố này khiến tỷ suất lợi nhuận thuần giảm 59 điểm cơ bản so với cùng kỳ xuống 20,5%.

Nhìn chung, lợi nhuận tăng chủ yếu nhờ sản lượng. Nếu giữ nguyên tỷ suất lợi nhuận gộp Q2/2025, riêng tăng trưởng doanh thu đã đóng góp đến 392 tỷ đồng trong tổng mức tăng 424 tỷ đồng của lợi nhuận gộp, còn tỷ suất lợi nhuận cải thiện đóng góp 32 tỷ đồng còn lại. Chi phí bán hàng tăng đã triệt tiêu 54% mức tăng lợi nhuận gộp này.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 27/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2026 và 6 tháng đầu năm 2026, MCH

LNST sau lợi ích của cổ đông thiểu số tăng 10,9% so với cùng kỳ trong Q2 và tăng 11,6% so với cùng kỳ trong 6 tháng đầu năm 2026, sát với dự báo của HSC

	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	6,276	7,165	14.2%	13,764	15,637	13.6%
Lợi nhuận gộp	2,769	3,193	15.3%	6,269	7,149	14.0%
Chi phí BH&QL	1,387	1,628	17.4%	3,165	3,679	16.2%
Lợi nhuận HĐ tài chính	138	152	10.1%	242	310	28.1%
LNST trước lợi ích của cổ đông thiểu số	1,347	1,484	10.2%	2,961	3,284	10.9%
LNST sau lợi ích của cổ đông thiểu số	1,326	1,471	10.9%	2,912	3,249	11.6%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	44.1%	44.6%		45.5%	45.7%	
Chi phí BH&QL / doanh thu	22.1%	22.7%		23.0%	23.5%	
Tỷ suất LNST trước lợi ích của cổ đông thiểu số	21.5%	20.7%		21.5%	21.0%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	21.1%	20.5%		21.2%	20.8%	

Nguồn: MCH

Tăng trưởng ở nhiều ngành hàng và kênh bán hàng

Theo mảng, nhóm hóa mỹ phẩm là mảng tăng trưởng mạnh nhất với mức tăng 32,5% so với cùng kỳ, tiếp theo là xuất khẩu tăng 24%, đồ uống đóng chai tăng 17,8% và gia vị tăng 17,1%. Thực phẩm tiện lợi tăng 7,4%, trong khi mảng cà phê nhìn chung đi ngang.

Theo kênh bán hàng, doanh thu kênh bán hàng truyền thống tăng 10,6% so với cùng kỳ, trong khi kênh bán hàng hiện đại và kênh khách sạn-nhà hàng-quán cà phê tăng lần lượt 28,9% và 29,7%. Số điểm bán đạt khoảng 550.000, còn số lượng SKU trên mỗi điểm bán tăng lên 5,8 khi chiến lược Retail Supreme chuyển trọng tâm từ mở rộng độ phủ sang tăng độ thâm nhập và doanh thu trên mỗi điểm bán.

Lợi nhuận tài chính tăng 10,4% nhờ dư nợ cho vay bên liên quan tăng

Doanh thu HĐ tài chính tăng 25,2% so với cùng kỳ đạt 337 tỷ đồng, chủ yếu nhờ thu nhập lãi từ các khoản cho vay bên liên quan tăng 88,9% lên 183 tỷ đồng, qua đó bù đắp hoàn toàn mức giảm của thu nhập tiền gửi và đầu tư. Tại thời điểm cuối Q2/2026, dư nợ cho vay bên liên quan đạt 9.683 tỷ đồng, tăng 96% so với mức 4.937 tỷ đồng tại cuối Q2/2025. Các bên vay chính gồm Masan Consumer Holdings, công ty mẹ của Masan Consumer, và Zenith Investment, doanh nghiệp do MSN sở hữu 100% cổ phần.

Chi phí tài chính tăng 40,6% lên 184 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí vay ngân hàng tăng 40,1% lên 165 tỷ đồng trong bối cảnh lãi suất tăng.

Theo đó, lợi nhuận tài chính tăng khiêm tốn 10,4% so với cùng kỳ đạt 152 tỷ đồng.

KQKD nửa đầu năm 2026 đi đúng kế hoạch

Tính chung nửa đầu năm 2026, doanh thu thuần tăng 13,6% so với cùng kỳ đạt 15.637 tỷ đồng, trong khi LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số tăng 11,6% đạt 3.249 tỷ đồng, bằng lần lượt 44,2% và 42,7% dự báo doanh thu thuần và LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số cả năm 2026 của HSC.

Các dự báo của HSC cho thấy doanh thu và lợi nhuận trong 6 tháng cuối năm 2026 tăng lần lượt khoảng 18% và 16% so với cùng kỳ. Các động lực chính gồm tăng độ thâm nhập tại kênh bán hàng truyền thống, xu hướng cao cấp hóa sản phẩm, gia tăng thị phần hóa mỹ phẩm và đổi mới sản phẩm đồ uống; trong khi chi phí logistic vẫn là rủi ro chính trong ngắn hạn đối với tỷ suất lợi nhuận.

Việc được thêm vào chỉ số VN30 sẽ hỗ trợ thanh khoản và khả năng tiếp cận của nhà đầu tư tổ chức

MCH sẽ được đưa vào giỏ chỉ số VN30 từ ngày 3/8/2026 sau đợt review tháng 7/2026. Đây là bước tiến tiếp theo trong quá trình phát triển của cổ phiếu trên thị trường vốn, sau khi niêm yết trên HOSE vào ngày 25/12/2025 và đủ điều kiện giao dịch ký quỹ vào cuối tháng 6/2026.

HSC kỳ vọng việc được thêm vào chỉ số VN30 sẽ giúp nhà đầu tư tổ chức dễ dàng tiếp cận cổ phiếu hơn và hỗ trợ thanh khoản giao dịch, mặc dù không tác động trực tiếp đến các dự báo lợi nhuận của chúng tôi.

Duy trì khuyến nghị Nắm giữ, giá mục tiêu và các dự báo

HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ, giá mục tiêu 133.200đ và các dự báo lợi nhuận giai đoạn 2026-2028. Sản lượng tiêu thụ phục hồi, xu hướng cao cấp hóa sản phẩm và khả năng triển khai phân phối được cải thiện tiếp tục hỗ trợ triển vọng trung hạn của MCH.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	30,897	30,557	35,407	39,486	43,569
Lợi nhuận gộp	14,405	13,906	16,154	17,865	20,000
Chi phí BH&QL	(6,880)	(6,769)	(8,031)	(8,825)	(9,715)
Thu nhập khác	0	0	0	0	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	7,525	7,137	8,123	9,040	10,285
Lãi vay thuần	1,423	545	573	562	609
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	65.1	83.0	91.3	100	110
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	(8.28)	0.24	0	0	0
LNTT	9,004	7,765	8,787	9,702	11,005
Chi phí thuế TNDN	(1,084)	(1,001)	(1,061)	(1,171)	(1,328)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(117)	(97.0)	(111)	(122)	(139)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	7,803	6,667	7,615	8,408	9,538
Lợi nhuận thuần ĐC	7,803	6,667	7,615	8,408	9,538
EBITDA ĐC	8,089	7,601	8,803	9,776	11,073
EPS (đồng)	10,769	5,151	5,883	6,495	7,368
EPS ĐC (đồng)	6,028	5,151	5,883	6,495	7,368
DPS (đồng)	26,800	5,000	5,000	5,000	5,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	725	1,294	1,294	1,294	1,294
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	725	1,294	1,294	1,294	1,294
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,294	1,294	1,294	1,294	1,294

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	5,677	8,275	9,358	10,406	11,490
Đầu tư ngắn hạn	365	3,443	4,000	4,000	4,000
Phải thu khách hàng	1,705	3,003	3,233	3,427	3,621
Hàng tồn kho	2,582	2,895	3,287	3,592	3,884
Các tài sản ngắn hạn khác	64.3	149	172	192	212
Tổng tài sản ngắn hạn	10,394	17,765	20,050	21,618	23,208
TSCĐ hữu hình	4,535	4,592	5,227	5,605	5,934
TSCĐ vô hình	714	657	571	484	396
Bất động sản đầu tư	4.17	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	332	916	458	229	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	347	416	416	416	416
Tài sản dài hạn khác	11,574	9,620	9,303	8,986	8,658
Tổng tài sản dài hạn	17,506	16,201	15,976	15,720	15,404
Tổng cộng tài sản	27,900	33,966	36,026	37,337	38,612
Nợ ngắn hạn	9,067	7,169	8,307	9,082	9,803
Phải trả người bán	2,315	2,524	2,627	2,655	2,604
Nợ ngắn hạn khác	2,511	2,296	2,656	2,959	3,262
Tổng nợ ngắn hạn	14,600	12,642	14,346	15,539	16,600
Nợ dài hạn	1,764	2,455	2,455	2,455	2,455
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	150	156	156	156	156
Nợ dài hạn khác	45.9	40.4	30.0	30.0	30.0
Tổng nợ dài hạn	1,960	2,652	2,641	2,641	2,641
Tổng nợ phải trả	16,572	15,304	16,998	18,190	19,251
Vốn chủ sở hữu	10,700	18,062	18,317	18,313	18,388
Lợi ích cổ đông thiểu số	628	600	711	834	972
Tổng vốn chủ sở hữu	11,328	18,662	19,028	19,147	19,360
Tổng nợ phải trả và VCSH	27,900	33,966	36,026	37,337	38,612
BVPS (đ)	14,766	13,953	14,150	14,147	14,205
Nợ thuần*/(tiền mặt)	5,154	1,349	1,405	1,131	768

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	7,525	7,137	8,123	9,040	10,285
Khấu hao	(565)	(464)	(680)	(737)	(788)
Lãi vay thuần	1,423	545	573	562	609
Thuế TNDN đã nộp	(1,108)	(993)	(1,061)	(1,171)	(1,328)
Thay đổi vốn lưu động	2,381	(4,317)	(465)	(424)	(489)
Khác	(1,558)	(704)	773	731	751
LCT thuần từ HKKD	9,227	2,132	8,623	9,474	10,616
Đầu tư TS dài hạn	(514)	(1,185)	(772)	(798)	(800)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	8.12	9.80	9.80	9.80	9.80
Khác	11,980	2,267	(557)	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	11,470	1,091	(1,319)	(788)	(790)
Cổ tức trả cho CSH	(23,070)	(2,742)	(7,360)	(8,412)	(9,463)
Thu từ phát hành CP	119	3,320	0	0	0
Tăng/giảm nợ	2,135	(1,206)	1,138	774	721
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(20,816)	(628)	(6,222)	(7,637)	(8,742)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,790	5,677	8,275	9,358	10,406
LCT thuần trong kỳ	(115)	2,596	1,082	1,048	1,084
Ảnh hưởng của tỷ giá	2.63	2.59	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	5,677	8,275	9,358	10,406	11,490
Dòng tiền tự do	8,713	947	7,851	8,676	9,816

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	46.6	45.5	45.6	45.2	45.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	26.2	24.9	24.9	24.8	25.4
Tỷ suất LNT (%)	25.3	21.8	21.5	21.3	21.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.0	12.9	12.1	12.1	12.1
Tăng trưởng doanh thu (%)	9.41	(1.10)	15.9	11.5	10.3
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	11.7	(6.03)	15.8	11.1	13.3
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	10.1	(14.6)	14.2	10.4	13.4
Tăng trưởng EPS (%)	8.91	(52.2)	14.2	10.4	13.4
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	10.1	(14.6)	14.2	10.4	13.4
Tăng trưởng DPS (%)	168	(81.3)	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	249	97.1	85.0	77.0	67.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	42.8	46.4	41.9	45.9	52.0
ROACE (%)	37.5	41.2	37.8	41.6	47.0
Vòng quay tài sản (lần)	0.90	0.99	1.01	1.08	1.15
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.23	0.30	1.06	1.05	1.03
Số ngày tồn kho	57.1	63.5	62.3	60.6	60.2
Số ngày phải thu	37.7	65.8	61.3	57.9	56.1
Số ngày phải trả	51.2	55.3	49.8	44.8	40.3
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	49.0	8.22	8.53	7.14	5.23
Nợ/tài sản (%)	39.1	28.7	30.3	31.4	32.3
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.35	1.28	1.24	1.20	1.12
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.71	1.41	1.40	1.39	1.40
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.33	5.76	4.98	4.45	4.03
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.7	23.2	20.0	18.0	15.9
P/E (lần)	12.5	26.2	22.9	20.8	18.3
P/E ĐC (lần)	22.4	26.2	22.9	20.8	18.3
P/B (lần)	9.14	9.68	9.54	9.54	9.50
Lợi suất cổ tức (%)	19.9	3.70	3.70	3.70	3.70

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn